



**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2013  
đã được kiểm toán

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận**

**Đăng ký Kinh doanh số** 0103014424

ngày 5 tháng 12 năm 2013

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014424 ngày 5 tháng 12 năm 2013. Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Nguyễn	Chủ tịch (đến ngày 23 tháng 7 năm 2013)
Ông Vương Toàn	Chủ tịch (từ ngày 24 tháng 7 năm 2013)
Ông Nguyễn Hồng Linh	Thành viên (đến ngày 23 tháng 7 năm 2013)
Bà Lê Thị Vongá	Thành viên (từ ngày 24 tháng 7 năm 2013)
Ông Samuel. A. Fisher	Thành viên (đến ngày 23 tháng 7 năm 2013)
Ông Graeme Paul Harlow	Thành viên (từ ngày 24 tháng 7 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Hồ Văn Hải	Giám đốc (đến ngày 20 tháng 11 năm 2013)
Ông Vương Toàn	Giám đốc (từ ngày 21 tháng 11 năm 2013)
Ông Trần Hậu Cường	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

94 Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hồ  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội và công ty con (“Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo hợp nhất này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

  
Thay mặt Ban Giám đốc  
*Dương*  
Vương Toàn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2014



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,  
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,  
Me Tri, Tu Liem, Hanoi  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600  
Fax + 84 (4) 3946 1601  
Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến 33.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH KPMG**  
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 13-02-036-b



Đàm Xuân Lâm  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0861-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Tâm Anh  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0651-2013-007-1

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>459.394.347.585</b>	<b>577.008.558.771</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>219.030.275.102</b>	<b>255.699.020.921</b>
Tiền	111		19.030.275.102	29.549.020.921
Các khoản tương đương tiền	112		200.000.000.000	226.150.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>12.842.919.672</b>	<b>47.860.726.277</b>
Phải thu khách hàng	131		5.478.420.039	42.110.658.398
Trả trước cho người bán	132		5.306.667.685	5.205.943.933
Các khoản phải thu khác	135		2.057.831.948	544.123.946
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>222.892.455.755</b>	<b>267.547.385.911</b>
Hàng tồn kho	141		222.892.455.755	267.547.385.911
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.628.697.056</b>	<b>5.901.425.662</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.611.767.551	3.306.521.881
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		274.439.842	173.715.767
Thuế phải thu Nhà nước	154		193.606.125	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		548.883.538	2.421.188.014
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>503.708.375.618</b>	<b>536.365.211.554</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>453.096.268.433</b>	<b>515.640.829.197</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	6	423.311.325.369	459.421.211.643
<i>Nguyên giá</i>	222		721.543.417.303	710.187.202.918
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(298.232.091.934)	(250.765.991.275)
Tài sản cố định vô hình	227	7	13.056.033.340	44.684.371.994
<i>Nguyên giá</i>	228		13.332.079.600	48.681.982.240
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(276.046.260)	(3.997.610.246)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	16.728.909.724	11.535.245.560
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>9</b>	<b>19.833.041.382</b>	<b>20.316.774.102</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		23.259.481.464	23.259.481.464
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(3.426.440.082)	(2.942.707.362)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>30.779.065.803</b>	<b>407.608.255</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	30.779.065.803	407.608.255
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>963.102.723.203</b>	<b>1.113.373.770.325</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>108.968.717.990</b>	<b>248.649.236.907</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>108.670.158.110</b>	<b>248.417.017.127</b>
Phải trả người bán	312		27.537.118.410	48.349.790.228
Người mua trả tiền trước	313		505.356.825	363.938.566
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	49.876.845.256	128.912.795.072
Phải trả người lao động	315		5.324.703.403	31.709.611.223
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	12	2.593.836.901	8.593.072.623
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	13	22.832.297.315	30.487.809.415
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>298.559.880</b>	<b>232.219.780</b>
Phải trả dài hạn khác	333		298.559.880	232.219.780
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>854.134.005.213</b>	<b>864.724.533.418</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>854.134.005.213</b>	<b>864.724.533.418</b>
Vốn cổ phần	411	15	200.000.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		12.920.000	12.920.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		595.236.208.388	429.779.520.164
Quỹ dự phòng tài chính	418		29.035.805.030	29.035.805.030
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		337.600.000	439.600.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		29.511.471.795	205.456.688.224
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>963.102.723.203</b>	<b>1.113.373.770.325</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ		
USD	34.844	48.063
EUR	1.131	1.140

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Người lập:

*Ng*

Nguyễn Thị Bích Ngọc  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Vương Toàn  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	18	640.379.342.259	1.050.915.206.388
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	203.139.236.832	354.288.904.000
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>18</b>	<b>437.240.105.427</b>	<b>696.626.302.388</b>
Giá vốn hàng bán	11	19	253.442.221.473	419.126.377.738
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>183.797.883.954</b>	<b>277.499.924.650</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	11.380.481.850	13.844.009.275
Chi phí tài chính	22	21	318.959.152	351.837.814
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		218.366.776	-
Chi phí bán hàng	24		82.168.847.635	75.018.084.358
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		76.211.206.978	107.823.257.718
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>36.479.352.039</b>	<b>108.150.754.035</b>
Thu nhập khác	31	22	11.430.888.006	168.343.470.521
Chi phí khác	32		2.048.284.575	405.033.927
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>9.382.603.431</b>	<b>167.938.436.594</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>45.861.955.470</b>	<b>276.089.190.629</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	16.350.483.675	70.632.502.405
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>29.511.471.795</b>	<b>205.456.688.224</b>

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Người lập:

*Nun*

Nguyễn Thị Bích Ngọc  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



*Trần Toàn*

Vương Toàn  
Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**

	<b>Mã số</b>	<b>2013 VND</b>	<b>2012 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>45.861.955.470</b>	<b>276.089.190.629</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	64.705.965.511	66.382.503.701
Các khoản dự phòng	03	-	(150.230.971)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	79.956.597	341.741.539
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(15.375.351.281)	(13.794.695.275)
Chi phí lãi vay	06	218.366.776	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>95.490.893.073</b>	<b>328.868.509.623</b>
Biến động các khoản phải thu	09	36.597.199.010	(25.622.550.655)
Biến động hàng tồn kho	10	44.654.930.156	62.047.296.905
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(83.779.313.493)	(220.883.112.578)
Biến động chi phí trả trước	12	499.692.892	795.047.802
		<b>93.463.401.638</b>	<b>145.205.191.097</b>
Tiền lãi vay đã trả	13	(218.366.776)	-
Thuế thu nhập đã nộp	14	(65.421.544.594)	(18.976.973.355)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	1.091.442.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(11.014.831.989)	(4.974.376.059)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>16.808.658.279</b>	<b>122.345.283.683</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(32.854.068.137)	(7.773.690.820)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	4.043.600.000	136.364
Tiền thu lãi tiền gửi	27	11.331.751.281	13.794.558.911
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(17.478.716.856)</b>	<b>6.021.004.455</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**

	<b>Mã số</b>	<b>2013 VND</b>	<b>2012 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	9.910.531.777	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.910.531.777)	-
Tiền chi cổ tức	36	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(36.000.000.000)</b>	<b>(36.000.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(36.670.058.577)</b>	<b>92.366.288.138</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>255.699.020.921</b>	<b>163.326.591.080</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>1.312.758</b>	<b>6.141.703</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>219.030.275.102</b>	<b>255.699.020.921</b>

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Nguyễn Thị Bích Ngọc  
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Vương Toàn  
Giám đốc

## **Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung.

Công ty có một công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Rượu Hà Nội do Công ty sở hữu 100%. Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104006633 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2009.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”). Các hoạt động chính của Tập đoàn là kinh doanh các loại đồ uống có cồn và không có cồn như bia, rượu, nước giải khát và các thiết bị vật tư, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất rượu, cồn và các mặt hàng tiêu dùng, công nghệ, thực phẩm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có 654 nhân viên (31/12/2012: 725 nhân viên).

### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

#### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

### 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### (a) Cơ sở hợp nhất

##### (i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### (ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

#### (b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### (c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### (d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### (e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

(g) **Tài sản cố định vô hình**

(i) **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm giá trị quyền sử dụng đất tại Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng được sử dụng lâu dài nên Tập đoàn không thực hiện trích khấu hao.

(ii) **Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) **Bất động sản đầu tư**

(i) **Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 577 tháng

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2013, quyền sử dụng đất thuê được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê đất. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2013, Tập đoàn áp dụng phi hồi tố Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), trong đó quy định quyền sử dụng đất đối với đất thuê sau ngày 1 tháng 7 năm 2004 (ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003) không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và do đó được phân loại lại là chi phí đất trả trước dài hạn. Chi phí đất trả trước dài hạn được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 577 tháng.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hai năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(l) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) *Tài sản tài chính*

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(n) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

**(o) Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	272.864.288	1.783.644.975
Tiền gửi ngân hàng	18.757.410.814	27.765.375.946
Các khoản tương đương tiền	200.000.000.000	226.150.000.000
	<hr/>	<hr/>
	219.030.275.102	255.699.020.921
	<hr/>	<hr/>

**5. Hàng tồn kho**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.790.326.629	-
Nguyên vật liệu	91.223.357.494	107.804.301.686
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.047.188.386	18.677.480.033
Thành phẩm	108.824.817.380	140.576.364.560
Hàng hóa	6.765.866	489.239.632
	<hr/>	<hr/>
	222.892.455.755	267.547.385.911
	<hr/>	<hr/>

**Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	192.638.453.980	16.778.206.036	478.661.746.681	22.108.796.221	710.187.202.918
Tăng trong năm	-	79.635.454	820.030.500	31.300.000	930.965.954
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.758.212.541	-	18.918.225.478	-	26.676.438.019
Thanh lý	-	(245.742.650)	(12.850.795.382)	(85.769.141)	(13.182.307.173)
Phân loại lại (*)	(62.277.759)	(1.406.867.037)	(1.558.853.619)	(40.884.000)	(3.068.882.415)
Số dư cuối năm	200.334.388.762	15.205.231.803	483.990.353.658	22.013.443.080	721.543.417.303
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	64.975.440.845	13.587.445.142	155.712.210.738	16.490.894.550	250.765.991.275
Khấu hao trong năm	17.535.988.746	1.390.011.257	42.245.483.107	2.121.644.367	63.293.127.477
Thanh lý	-	(245.742.650)	(12.850.795.382)	(85.769.141)	(13.182.307.173)
Phân loại lại (*)	(52.482.526)	(1.254.243.401)	(1.309.098.051)	(28.895.667)	(2.644.719.645)
Số dư cuối năm	82.458.947.065	13.477.470.348	183.797.800.412	18.497.874.109	298.232.091.934
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	127.663.013.135	3.190.760.894	322.949.535.943	5.617.901.671	459.421.211.643
Số dư cuối năm	117.875.441.697	1.727.761.455	300.192.553.246	3.515.568.971	423.311.325.369

(\*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước ngắn hạn đối với tài sản cố định có thời gian sử dụng còn lại không quá một năm và Chi phí trả trước dài hạn đối với tài sản cố định có thời gian sử dụng còn lại trên một năm (Thuyết minh 10).

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 64.731 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 82.074 triệu VND).

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****7. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	48.381.102.640	300.879.600	48.681.982.240
Tăng trong năm	-	53.000.000	53.000.000
Phân loại lại (*)	(35.377.902.640)	(25.000.000)	(35.402.902.640)
Số dư cuối năm	13.003.200.000	328.879.600	13.332.079.600
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	3.801.746.070	195.864.176	3.997.610.246
Phân loại lại (*)	(4.631.224.856)	(19.444.444)	(4.650.669.300)
Khấu hao trong năm	829.478.786	99.626.528	929.105.314
Số dư cuối năm	-	276.046.260	276.046.260
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	44.579.356.570	105.015.424	44.684.371.994
Số dư cuối năm	13.003.200.000	52.833.340	13.056.033.340

(\*) Việc phân loại lại này phản ánh (i) giá trị còn lại của phần mềm máy vi tính hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên và (ii) giá trị còn lại của quyền sử dụng đất đối với đất thuê dài hạn sau ngày 1 tháng 7 năm 2004 (ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003) mà tiền thuê đất đã được trả trước toàn bộ. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước ngắn hạn và Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 10).

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 241 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 30 triệu VND).

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2013 VND</b>	<b>2012 VND</b>
Số dư đầu năm	11.535.245.560	5.444.422.434
Tăng trong năm	31.870.102.183	6.836.322.920
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(26.676.438.019)	(745.499.794)
Số dư cuối năm	16.728.909.724	11.535.245.560

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự án dây chuyền sản xuất cồn khô	1.386.092.537	1.386.092.537
Dự án nhà máy Yên Phong Bắc Ninh	15.309.130.142	10.149.153.023
Mua sắm dở dang dự án E411	33.687.045	-
	<hr/>	<hr/>
	16.728.909.724	11.535.245.560
	<hr/>	<hr/>

**9. Bất động sản đầu tư**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	23.259.481.464
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	2.942.707.362
Khấu hao trong năm	483.732.720
	<hr/>
Số dư cuối năm	3.426.440.082
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	20.316.774.102
Số dư cuối năm	19.833.041.382
	<hr/>

Bất động sản đầu tư của Công ty là một phần Quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp Yên Phong – huyện Yên Phong – tỉnh Bắc Ninh đang chờ tìm đối tác đầu tư để kinh doanh. Phần quyền sử dụng đất còn lại liên quan đến lô đất đã được sử dụng để xây nhà máy và đang được ghi nhận trong Chi phí trả trước dài hạn.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****10. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	-	407.608.255	407.608.255
Tăng trong năm	-	27.500.000	27.500.000
Phân loại lại từ tài sản cố định (*)	30.746.677.784	19.504.866	30.766.182.650
Phân bổ trong năm	-	(422.225.102)	(422.225.102)
Số dư cuối năm	30.746.677.784	32.388.019	30.779.065.803

(\*) Việc phân loại lại từ tài sản cố định phản ánh (i) giá trị còn lại của các công cụ dụng cụ hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định, là tiêu chuẩn có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên, theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45 và (ii) giá trị còn lại của quyền sử dụng đất đối với đất thuê dài hạn sau ngày 1 tháng 7 năm 2004. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình và vô hình trong kỳ (Thuyết minh 6 và Thuyết minh 7). Giá trị còn lại của các công cụ dụng cụ có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu VND được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại nhưng không quá hai năm.

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2013 VND</b>	<b>31/12/2012 VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	3.126.409.860	8.776.438.024
Thuế tiêu thụ đặc biệt	17.458.176.607	43.320.049.495
Thuế nhập khẩu	-	144.442.887
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.848.814.054	59.071.785.376
Thuế thu nhập cá nhân	-	177.783.532
Thuế tài nguyên	409.050	1.080.765
Tiền thuê đất	18.443.035.684	17.421.214.993
	49.876.845.255	128.912.795.072

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****12. Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2013 VND</b>	<b>31/12/2012 VND</b>
Kinh phí công đoàn	424.944.910	1.604.723.672
Bảo hiểm xã hội và y tế	-	-
Các khoản phải trả khác	2.168.891.991	6.988.348.951
	<hr/>	<hr/>
	2.593.836.901	8.593.072.623

**13. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

	<b>2013 VND</b>	<b>2012 VND</b>
Số dư đầu năm	30.487.809.415	26.910.542.515
Trích lập quỹ	4.000.000.000	7.262.500.959
Sử dụng quỹ trong năm	(11.655.512.100)	(3.685.234.059)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	22.832.297.315	30.487.809.415

Trong năm 2013, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi trị giá 4.000 triệu VND từ lợi nhuận của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 18 tháng 10 năm 2013.

**Công ty Cổ Phần Cồn Ruợu Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**l. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>	200.000.000.000	12.920.000	(286.493.360)	358.797.701.945	28.035.805.030	637.600.000	115.244.019.178	702.441.552.793
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	205.456.688.224	205.456.688.224
Phân bổ vào các quỹ (Thuyết minh 17)	-	-	-	70.981.818.219	1.000.000.000	-	(71.981.818.219)	-
Có tức (Thuyết minh 16)	-	-	-	-	-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(198.000.000)	-	(198.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(7.262.200.959)	(7.262.200.959)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	286.493.360	-	-	-	-	286.493.360
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	200.000.000.000	12.920.000	-	429.779.520.164	29.035.805.030	439.600.000	205.456.688.224	864.724.533.418
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	29.511.471.795	29.511.471.795
Phân bổ vào các quỹ (Thuyết minh 17)	-	-	-	165.456.688.224	-	-	(165.456.688.224)	-
Có tức (Thuyết minh 16)	-	-	-	-	-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(102.000.000)	-	(102.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	200.000.000.000	12.920.000	-	595.236.208.388	29.035.805.030	337.600.000	29.511.471.795	854.134.005.213

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

**15. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**16. Cổ tức**

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 24 tháng 7 năm 2013 đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho năm 2012 trị giá 36.000 triệu VND (1.800 VND trên một cổ phiếu) (2012: 36.000 triệu VND cho cổ tức của năm 2011 (1.800 VND trên một cổ phiếu)) (Thuyết minh 14).

**17. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

**(a) Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Trong năm 2013, Công ty đã trích 165 triệu VND vào quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 7 năm 2013 (2012: 71 triệu VND) (Thuyết minh 14).

**(b) Quỹ dự phòng tài chính**

Theo điều lệ của Công ty, mức trích và tỷ lệ trích của quỹ dự phòng tài chính của Công ty phải tuân theo quy định của pháp luật hiện hành và được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên (Thuyết minh 14).



**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****18. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	640.259.342.259	1.050.217.085.593
▪ Cung cấp dịch vụ	120.000.000	698.120.795
	<hr/> 640.379.342.259	<hr/> 1.050.915.206.388
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(3.583.760.227)	(56.383.271.293)
▪ Hàng bán bị trả lại	(8.126.325.710)	(7.759.983.036)
▪ Thuế tiêu thụ đặc biệt	(191.429.150.895)	(290.145.649.671)
	<hr/> (203.139.236.832)	<hr/> (354.288.904.000)
Doanh thu thuần	<hr/> 437.240.105.427	<hr/> 696.626.302.388

**19. Giá vốn hàng bán**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	253.442.221.473	418.771.711.487
▪ Dịch vụ đã cung ứng	-	354.666.251
	<hr/> 253.442.221.473	<hr/> 419.126.377.738

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****20. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	11.331.751.281	13.794.558.911
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.927.709	41.188.827
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.802.860	8.261.537
	<hr/>	<hr/>
	11.380.481.850	13.844.009.275

**21. Chi phí tài chính**

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	218.366.776	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.832.919	1.834.738
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	92.759.457	350.003.076
	<hr/>	<hr/>
	318.959.152	351.837.814

**22. Thu nhập khác**

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Thu nhập tiền đền bù di dời nhà xưởng (*)	-	168.137.604.718
Thu nhập tiền hỗ trợ di dời từ Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bắc Ninh	6.736.192.600	-
Lãi do thanh lý tài sản cố định hữu hình	3.530.000.000	-
Thu nhập khác	1.164.695.406	205.865.803
	<hr/>	<hr/>
	11.430.888.006	168.343.470.521

(\*) Theo hợp đồng kinh tế số 48/HĐKT-HALICO-REC ngày 28 tháng 7 năm 2007 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Kinh doanh và Xây dựng nhà Hà Nội, Công ty sẽ nhận được khoản tiền đền bù là 267.000 triệu VND cho việc đền bù tài sản và hỗ trợ di dời doanh nghiệp từ trụ sở của Công ty tại 94 Lò Đúc, Hà Nội sang khu công nghiệp Yên Phong – huyện Yên Phong – tỉnh Bắc Ninh. Trong năm 2008 và 2009 Công ty được ứng trước số tiền trị giá 210.000 triệu VND. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, số tiền ứng trước nói trên đã được hạch toán vào thu nhập khác sau khi bù trừ với các chi phí liên quan đến việc di dời theo Quyết định của Hội đồng Quản trị ngày 22 tháng 1 năm 2013.

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****23. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Chi phí thuế hiện hành	16.350.483.674	70.632.502.405

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	45.861.955.470	276.089.190.629
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	11.465.488.868	69.022.297.657
Ưu đãi thuế	(1.223.120.571)	(8.187.414.403)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	91.606.828	1.441.362.102
Chi phí không được khấu trừ thuế	6.016.508.550	8.356.257.049
	16.350.483.675	70.632.502.405

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007, Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại 94 Lò Đúc trong 2 năm (năm 2007 và 2008) tính từ năm đầu tiên hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011) với mức thuế suất là 20% trong 10 năm (từ năm 2012 đến năm 2021).

Theo công văn số 7188/BTC-TCT ngày 4 tháng 6 năm 2010, Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại Khu công nghiệp Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2011) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2018).

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Rượu Hà Nội có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất trong 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%. Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã phê duyệt Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

## 24. Các công cụ tài chính

### (a) Quản lý rủi ro tài chính

#### (i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

#### (ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Giám đốc đã thành lập Ban kiểm soát có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban kiểm soát rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

### (b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

***Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng***

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2013 VND</b>	<b>31/12/2012 VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	218.757.410.814	253.915.375.946
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	7.536.251.987	42.654.782.344
		<hr/>	<hr/>
		226.293.662.801	296.570.158.290

**(i) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

**(ii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức và thời gian mua hàng trả chậm được thiết lập cho từng khách hàng được Giám đốc phê duyệt và được bảo lãnh bởi ngân hàng. Khoản phải thu đáo hạn được Giám đốc phê duyệt theo từng đợt. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá quy định được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua hàng. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các Tập đoàn liên quan có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Không có khoản phải thu nào đã quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (31/12/2012: Không).

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>					
Phải trả người bán và phải trả khác	29.706.010.401	29.706.010.401	29.706.010.401	-	-
Phải trả dài hạn khác	298.559.880	298.559.880	-	-	298.559.880
	30.004.570.281	30.004.570.281	29.706.010.401	-	298.559.880
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>					
Phải trả người bán và phải trả khác	55.338.139.179	55.338.139.179	55.338.139.179	-	-
Phải trả dài hạn khác	232.219.780	232.219.780	-	-	232.219.780
	55.570.358.959	55.570.358.959	55.338.139.179	-	232.219.780

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ ("USD") và Euro ("EUR").

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc tham gia các hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn và mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

**Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.844	1.131	48.063	1.140
Phải thu khách hàng	10.000	-	10.000	-
Phải trả người bán	(13.837)	(55.086)	(7.947)	(55.086)
	31.007	(53.955)	50.116	(53.946)

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2013	31/12/2012
VND/USD	21.036	20.812
VND/EUR	29.049	27.311

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận hợp nhất trước thuế của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng trên lợi nhuận hợp nhất trước thuế VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	
USD (mạnh thêm 2% so với VND)	13.045.265
EUR (mạnh thêm 3% so với VND)	(47.020.164)
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	
USD (mạnh thêm 3% so với VND)	31.290.426
EUR (mạnh thêm 2% so với VND)	(29.466.384)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận hợp nhất trước thuế của Tập đoàn.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	200.000.000.000	226.150.000.000
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tài sản tài chính	18.757.410.814	27.765.375.946

Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Tuy nhiên sự thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo này không ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần hợp nhất của Tập đoàn.

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

**(e) Giá trị hợp lý****(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	219.030.275.102	219.030.275.102	255.699.020.921	255.699.020.921
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.536.251.987	7.536.251.987	42.654.782.344	42.654.782.344
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(29.706.010.401)	(29.706.010.401)	(55.338.139.179)	(55.338.139.179)
- Nợ phải trả tài chính khác	(298.559.880)	(*)	(232.219.780)	(*)

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

*Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác và các khoản phải trả người bán và phải trả khác*

Giá trị hợp lý của các các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản phải trả người bán và phải trả khác xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.



**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**25. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư**

	2013 VND	2012 VND
Phân loại lại quyền sử dụng đất từ chi phí trả trước dài hạn sang tài sản cố định vô hình	-	13.686.748.570
Phân loại lại từ tài sản cố định sang chi phí trả trước	31.176.396.110	-

**26. Cam kết****(a) Chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	-	13.104.983.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	15.715.853.468	5.083.645.600
	15.715.853.468	18.188.628.600

**(b) Hợp đồng thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	-	460.275.855
Trong vòng hai đến năm năm	-	442.255.458
	-	902.531.313

**27. Vụ việc gian lận thuế đang được điều tra**

Trong năm 2013, Cơ quan Công an tiến hành điều tra một vụ gian lận thuế tiêu thụ đặc biệt có liên quan đến một số cá nhân của Công ty và khách hàng của Công ty là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Lân. Tại ngày lập báo cáo tài chính này Công ty chưa nhận được thông báo hay kết luận chính thức từ Cơ quan công an điều tra và do đó ảnh hưởng nếu có đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là chưa xác định được.

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

**28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	277.317.346.384	278.957.721.885
Chi phí nhân công	63.831.342.815	88.031.980.572
Chi phí khấu hao	64.705.965.511	66.382.503.701
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.580.144.019	68.169.972.687
Chi phí khác	91.570.319.864	25.063.971.748

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Người lập:

Nguyễn Thị Bích Ngọc  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Vương Toàn  
Giám đốc